GOVERNMENT EXHIBIT
MH-4
Holmes Trial DS

311576513

Affidavit of Provisional Voter

Declaración Jurada de Votante Provisional / Bản Chứng Thệ Của Cử Tri Tạm Thời / 臨時選民具結書

TED BY VOTER: I am a registered voter of this political subdivision and in the precinct in which I'm attempting to vote and have not already voted in this election (either in person or by mail). I am a resident of vision, have not been finally convicted of a felony or if a felon, I have completed all of my punishment including any term of incarceration, parole, supervision, period of probation, or I have been pardoned. I have ed by a final judgment of a court exercising probate jurisdiction to be totally mentally incapacitated or partially mentally incapacitated without the right to vote. I understand that giving false information under oath and I understand that it is a felony of the 2nd degree to vote in an election for which I know I am not eligible.

VOTANTE LO LLENE: Estoy inscrito como votante en esta subdivisión política y en el precinto en cual estoy intentando a votar y aun no he votado en esta elección (en persona o por correo). Soy residente de esta subdivisión política, no he sido definitivamente declarado culpable de un delito grave o si soy el autor de un delito grave, he cumplido toda mi condena inclusive el periodo de encarcelamiento, la libertad condicional, la libertad supervisada, la libertad vigilada, o he sido indultado. No me han determinado por un juicio final de una corte de la legalización de un testamento, ser totalmente incapacitado mentalmente o parcialmente incapacitado sin el derecho de votar. Entiendo que dar información falsa bajo juramento es un delito menor y también entiendo que es un delito grave de 2do grado votar en una elección sabiendo que no cumplo con los requisitos necesarios.) (**ĐƯỢC HOÀN TẤT BỞI CỬ TRI:** Tôi là cử tri đã ghi danh bỏ phiếu tại phân khu chính trị địa phương này và trong phân khu mà tôi có ý định bỏ phiếu và chưa bỏ phiếu trong cuộc bầu cử này (kể cả đích thân bỏ phiếu hay bỏ phiếu bằng thư). Tôi cư ngụ tại phân khu chính trị địa phương này, tôi hoàn toàn không bị kết trọng tội hoặc nếu là người phạm trọng tội, tôi đã hoàn thành hết mọi hình phạt, bao gồm thời hạn tù, án treo, quản chế, thời kỳ thử thách, hoặc đã được ân. Phán quyết cuối cùng của tòa án không tuyên bố rằng tôi là người mất hoàn toàn năng lực về một tâm thần hay mất một phần năng lực để tôi có quyền được bỏ phiếu. Tôi hiểu rằng khai man khi tuyên thệ sẽ bị phạm khinh tội, và tôi hiểu rằng nếu bỏ phiếu trong một cuộc bầu cử mà tôi biết là mình không hội đủ điều kiện, tôi sẽ bị coi là phạm trọng tội cấp độ 2.) 由選民填寫：本人為此政治轄區內之合法選民，本人有定額且尚未在此次選舉中投票（親自或郵寄投票）。本人為此政治轄區之選民，從未因犯有重罪被判定罪，或即使曾犯有重罪，但所有證照，包括監候、緩刑、數管，緩刑與已撤銷或撤回，或已獲特赦。本人從未被證實精神能力喪失或部分喪失能力而無投票權。本人明瞭意管使這些不實資訊為輕罪，並了解在明知自己不符合資格的情況下在選舉中投票為二級重罪。

Last Name (Apellido) (Họ) (姓)	First Name (Nombre) (Tên) (名)	Middle Name (If any) (Segundo nombre (si tiene) Tên đệm (nếu có) 中間名（若有）	Former Name (Nombre anterior) (Tên cũ) (曾用名)
Holmes	MARVIN	Cal	

Residence Address: Street Address and Apartment Number, City, State, and ZIP. If none, describe where you live (Do not include PO Box, Rural Rt. or business address) (Domicilio: calle y número de apartamento, Ciudad, Estado, y Código Postal: A falta de estos datos, describa la localidad de su residencia. (No incluya el apartado de correos, camino rural, ni dirección comercial.)) (Địa chỉ cư trú: Tên đường và số Phòng, Thành Phố, Tiểu Bang, và Mã Bưu Điện. Nếu không có, xin diễn tả nơi quý vị cư ngụ (Không được đề địa chỉ Hộp Thư, Địa Chỉ Đường Làng hoặc Địa Chỉ Thương Mại)) 居住地址：（街名地址和公寓號，市、州和郵寄區號。如果沒有，請描述明居住地點（勿使用郵局信箱號碼）

[redacted]

Mailing Address: City, State, and ZIP. If mail cannot be delivered to your residence address. (Dirección postal: Ciudad, Estado y Código Postal, si no es posible entregarle correspondencia en su domicilio). (Địa Chỉ Gửi Thư: Thành Phố, Tiểu Bang, và Mã Bưu Điện. Nếu không thể chuyển thư tới địa chỉ cư ngụ của quý vị.) 郵寄地址：市、州和郵遞區號。如果郵寄無法送達您的居住地址。

Gender: (Optional) (Sexo (Optativo)) Giới tính(Không bắt buộc 性別：（可填或不填）

Male ☑ Female ☐

(Hombre)(Nam)(男) (Mujer)(Nữ)(女)

Date of Birth: Month, Day, Year (Fecha de nacimiento: mes, día, año)(Ngày tháng năm sanh: Tháng, Ngày, Năm) 出生日期：月、日、年

[redacted]

Check appropriate box: Marque el cuadro apropiado: Đánh dấu vào ô thích hợp 在適當方格內劃勾：

ARE YOU A UNITED STATES CITIZEN? (¿SOY CIUDADANO/A DE LOS ESTADOS UNIDOS?) (QUÝ VỊ CÓ PHẢI LÀ CÔNG DÂN HOA KỲ KHÔNG?) 您是美國公民嗎？

☑ Yes ☐ No

(Sí)(Có)(是) (No)(Không)(否)

TX Driver's License No. or Personal I.D. No. (Issued by TX DPS) Número de su licencia de conducir de Texas o de su Cédula de identidad expedida por el Departamento de Seguridad Publica de Texas). Số Bằng Lái Xe của tiểu bang Texas hoặc số ID cá nhân (do Bộ An Toàn Lao Động tiểu bang Texas

[redacted]

☐ I have not been issued a TX driver's license/ personal identification number or Social Security Number. (No me han expedido una licencia de conducir de Texas/Cedúla de identidad personal de Texas ni un Número de Seguro Social.) (Tôi chưa hề được cấp bằng lái xe của Texas/số ID cá nhân hoặc số An Sinh Xã Hội.) 我沒有 TX 駕駛執照號碼/個人身份證號碼或社會安全號碼。

Social Security No. (last 4 digits required if you do not have a driver's license or I.D. number) Número de Seguro Social. (Si no tiene licencia de conducir ni identificación personal, se requiere los últimos 4 números de su seguro social) Số An Sinh Xã Hội (4 số cuối của số An Sinh Xã Hội cần phải có nếu quý vị không có số bằng lái xe hoặc số ID cá nhân) 社會安全號碼（如果您沒有駕駛執照或個人身份證號碼，請提供社安卡最後

Signature of Voter: (Firma del Votante) (Chữ ký của cử tri) (選民簽名)

X Marvin Holmes

TO BE COMPLETED BY THE ELECTION JUDGE

Date of Election Fecha de la Elección Ngày Bầu Cử 選舉日期
11/5/13

Precinct No. where voted 0180
Núm. de Precinto-lugar de votación/Phân Khu nơi đã bầu Cử số/選區編號, 投票地點

Precinct No. where registered 180
Núm. de Precinto-inscrito para votar/Phân Khu nơi đã ghi danh số/選區編號, 登記地點

Type of Election Tipo de Elección Hình Thức Bầu Cử 選舉類型
General

Authority Conducting Election Autoridad Administrando la Elección Cơ Quan Thẩm Quyền Tiến Hành Bầu Cử 主持選舉機構
Harris County

BALLOT CODE: 19091378
(Write in the Ballot Code, it is found on the Provisional Ballot Stub above the voter's signature area. The Provisional Ballot Stub is generated from the JBC.)
19091378

VOTER PRESENTED ACCEPTABLE FORM OF IDENTIFICATION

☐ YES ☐ NO

1. ✓ Failed to present acceptable form of identification or voter certificate with exemption.
2. ____ Voter not on list of registered voters.
3. ____ Voter not on list, registered in another precinct.
4. ____ Voter on list of people who voted early by mail, and voter has not cancelled mail ballot application.
5. ____ Voting after 7:00 P.M. due to court order.
6. ____ Voter on list, but registered residence address outside the _____ political subdivision.
7. ____ Other _____ (Please explain)

Sworn and subscribed to before me this date: 11/5/13

Signature of Election Judge

Home PCT	County Clerk Use ONLY	PCT
0180		0180-19
CERT/VUID	Voter Registrar Use ONLY	PCT
25455601		180

TO BE COMPLETED BY THE COUNTY VOTER REGISTRAR FOR STATUS:

I, the voter registrar/deputy registrar, did research the records of my office and the following conclusion(s) was made:

FOR VOTERS WHO DID NOT PRESENT ACCEPTABLE PHOTO IDENTIFICATION AT THE POLLING PLACE

1. ____ Voter presented acceptable form of identification within 6 days of election day.
2. ____ Voter met disability exemption within 6 days of election day.
3. ____ Voter executed religious objection affidavit within 6 days of election day.
4. ____ Voter executed natural disaster affidavit within 6 days of election day.
5. ✓ Voter did not satisfy identification or affidavit requirements, listed in categories 1-4 above, within 6 days of election day.

FOR VOTERS WHO VOTED PROVISIONALLY FOR OTHER REASONS

6. ____ Not a registered voter or registration not effective in time for this election.
7. ____ Registered to vote, erroneously listed in wrong precinct.
8. ____ Registered to vote in a different precinct within the county.
9. ____ Information on file indicating applicant completed a voter registration application, but it was never received in the voter registrar's office.
10. ____ Voter erroneously removed from the list.
11. ____ Voter is not registered to vote in _____ political subdivision.
12. ____ Other: _____ (Please explain)

R. Carpenter
Signature of Voter Registrar

11-12-13
Date

TO BE COMPLETED BY THE BALLOT BY MAIL DEPARTMENT

☐ Ballot returned by Voter ☐ Ballot returned by USPS
☐ Ballot not returned ☐ Voter did not apply for a Mail Ballot

Signature of Ballot by Mail Supervisor

Action taken by the Early Voting Ballot Board in accordance with Texas Election Code.

☐ Accepted ☒ Rejected

Calvin Wilson
Signature of Ballot Board Judge Calvin Wilson

2:13-cv-193
09/02/2014
DEF0523
exhibitsticker.com